

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH BA
TỈNH PHÚ THỌ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 40 /2018/DS-ST

Ngày: 11 - 10 - 2018

V/v: Tranh chấp về hôn nhân và gia đình.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH BA, TỈNH PHÚ THỌ**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Lệ Thanh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà **Vương Thị Thu**.

2. Ông **Kiều Công Ích**.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoài Linh- cán bộ TAND huyện Thanh Ba.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ tham gia phiên tòa: Ông Đỗ Anh Tú - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 10 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Ba xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 208/2017/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 11 năm 2017 về tranh chấp về hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 125/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 9 năm 2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Vi Văn H, sinh năm: 1982 (có mặt).

Địa chỉ: Khu 16, xã Đ, huyện T, tỉnh P.

Bị đơn: Chị Lê Thị Ánh T, sinh năm 1984 (có mặt).

Địa chỉ: Khu 16, xã Đ, huyện T, tỉnh P.

Hiện đang ở: Khu 5, xã Đ, huyện T, tỉnh P.

Người giám hộ cho chị T: Anh Lê Quang B, sinh năm 1975 (có mặt).

Địa chỉ: Khu 5, xã Đ, huyện T, tỉnh P.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và các lời khai tiếp theo nguyên đơn anh Vi Văn H trình bày:

Anh và chị Lê Thị Ánh T tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn với nhau ngày 13 tháng 7 năm 2010 tại UBND xã Đ, huyện T, tỉnh P. Khi đó anh làm nghề tự do còn chị T làm ruộng. Quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc khoảng năm năm, sau đó thường cãi nhau vì chị T suy nghĩ nhiều sau khi con đầu của vợ chồng

chết. Có lần chị T đã mua lá ngón về để nấu nước cho gia đình uống để đầu độc nhưng may không ai việc gì. Sau thời gian đó gia đình anh đã đưa chị T về ở nhà ngoại ở khu 5 xã Đ, vợ chồng đã sống ly thân, không còn liên lạc với nhau nữa. Anh có biết việc chị T phải điều trị tại bệnh viện tâm thần tỉnh P nhưng vì hoàn cảnh khó khăn nên anh không đề nghị giám định việc mất năng lực hành vi của chị T. Đến nay tình cảm vợ chồng không còn, anh xin được ly hôn đối với chị T.

Về con chung: Anh và chị T có 01 con chung là Vi Lê Kiều T, sinh ngày 14/12/2015. Hiện cháu T đang ở cùng anh. Khi ly hôn anh xin được nuôi con và không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp cho gia đình, đất nông nghiệp: Anh chị không có nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn chị Lê Thị Ánh T trình bày:

Chị thừa nhận lời trình bày của anh H về thời gian kết hôn, thời gian chị về nhà ngoại, con chung, đất ruộng, công sức là đúng. Do vợ chồng lấy nhau mãi mới có con, sinh được một thời gian thì cháu đầu đã chết nên chị suy nghĩ nhiều và lo sợ cháu T lại có vấn đề nên đã làm điều dại dột. Chị không đồng ý ly hôn vì lý do chị vẫn còn tình cảm với anh H chồng chị. Anh chị hiện có 01 con chung là Vi Lê Kiều T, sinh ngày 14/12/2015. Hiện cháu T đang ở cùng anh H. Nếu anh H kiên quyết xin ly hôn chị cũng đồng ý nhưng xin được trực tiếp nuôi cháu T và không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con. Khi điều trị tại bệnh viện tâm thần P địa chỉ của chị ở phường P, thị xã P là do chị mua bảo hiểm y tế khi đang thuê trọ ở đó. Sau khi ra viện chị không đi khám lại nhưng chị thấy tinh thần của chị đã ổn định. Ngày 21/5/2018 chị vào Bệnh viện Tâm thần tỉnh P điều trị do suy nhược thần kinh. Chị đã ra viện ngày 30/5/2018 và hiện hoàn toàn khỏe mạnh, tỉnh táo.

Người giám hộ cho bị đơn là anh Lê Quang B trình bày:

Anh là anh trai ruột của chị T. Bố đẻ anh đã chết, mẹ đẻ anh già yếu nên anh là anh trai cả trong gia đình nhận là người giám hộ cho em gái ruột là chị T. Về hôn nhân giữa anh H và chị T, anh xác nhận như anh H trình bày là đúng. Chị T sinh cháu đầu bị chết, đến khi sinh cháu thứ 2 thì bị ảnh hưởng về tâm lý thần kinh dẫn đến bị bệnh tâm thần. Đến nay bệnh chị T vẫn chưa ổn định, vẫn phải điều trị ngoại trú bệnh tâm thần (có sổ điều trị). Chị T về ở cùng mẹ đẻ anh là bà Lê Thị N tại khu 5, xã Đ khoảng một năm nay. Nay quan điểm của anh đề nghị Tòa án giải quyết theo nguyện vọng của chị T. Theo anh chị T hiện rất tỉnh táo, sức khỏe ổn định, tự buôn bán nuôi thân.

Quá trình tòa án thụ lý giải quyết vụ kiện anh B và chị T có xuất trình một bản phô tô sổ điều trị tâm thần ngoại trú. Phần lý lịch người bệnh có tên là Lê Thị Ánh T sinh năm 1984 có địa chỉ ở phường P, thị xã P, tỉnh P. Qua xác minh tại Bệnh viện tâm thần tỉnh Phú Thọ chỉ có duy nhất một bệnh nhân tên Lê Thị Ánh

T, sinh năm 1984 có địa chỉ ở phường P, thị xã P, tỉnh P, ngày vào viện 26/8/2016, ra viện ngày 27/9/2018, được chuẩn đoán “rối loạn loạn thần cấp và thoáng qua”. Sau khi ra viện tâm thần ổn định, ăn ngủ được, bệnh viện có hẹn tái khám nhưng không thấy chị T đến khám lại. Quá trình Tòa án đưa vụ án ra xét xử, gia đình chị T đã xuất trình đơn xin xác nhận chị T đang điều trị tại khoa loạn thần cấp tính – Bệnh viện tâm thần tỉnh Phú Thọ từ ngày 21/5/2017. Do đó HĐXX đã ra quyết định tạm đình chỉ giải quyết vụ án. Ngày 27/7/2018 anh Vi Văn H có đơn đề nghị tiếp tục giải quyết vụ án và vụ án được tiếp tục giải quyết. Tại bản tự khai và biên bản hòa giải, chị T khai chị không bị bệnh tâm thần. Chị suy nghĩ nhiều nên mệt mỏi, không muốn ly hôn nên vào viện điều trị để anh H không ly hôn chị. Qua xác minh tại Bệnh viện Tâm thần tỉnh Phú Thọ ngày, được biết: Chị Lê Thị Ánh T điều trị tại bệnh viện từ ngày 21/5/2018 đến ngày 30/5/2018 do suy nhược thần kinh. Khi ra viện bệnh ổn định.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Ba đã phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tổ tụng dân sự và đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn, nuôi con chung của anh H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu, xem xét các tài liệu, chứng cứ được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Tòa án nhân dân huyện Thanh Ba sau khi nhận được đơn khởi kiện của anh Vi Văn H đã tiến hành báo gọi các bên đương sự đến trình bày lời khai, công khai chứng cứ và hòa giải theo quy định của pháp luật. Tại các buổi hòa giải do các bên đương sự không thống nhất với nhau về việc giải quyết vụ án nên Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử là hoàn toàn phù hợp quy định của pháp luật.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh H và chị T kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, không vi phạm điều cấm của pháp luật và được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền đăng ký kết hôn. Do vậy hôn nhân giữa anh H và chị T là hợp pháp. Theo anh H thì sau khi kết hôn vợ chồng cũng đã có thời gian chung sống hòa thuận. Tuy nhiên sau khi xảy ra sự việc chị T có hành vi bỏ độc vào nước cho gia đình uống, anh H có gửi chị T về nhà ngoại ở Đ ở khoảng hơn một năm nay, tình cảm vợ chồng không còn, anh chị sống ly thân với nhau từ đó đến nay. Anh yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh ly hôn với chị T. Phía chị T và anh B cho rằng tình cảm vợ chồng H T vẫn còn, chị T thiết tha xin đoàn tụ. Tuy nhiên nếu anh H kiên quyết ly hôn chị T cũng đồng ý. Xét yêu cầu được ly hôn của anh H thì: Thực tế hiện nay vợ chồng đã không còn sống chung, cũng không còn nghĩa vụ thương yêu, quan tâm chăm sóc nhau. Mâu thuẫn vợ chồng đã kéo dài từ nhiều năm nay làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng không còn khả năng hàn gắn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Mong muốn

của chị T được đoàn tụ vợ chồng là chính đáng, nhưng chị không có biện pháp gì để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Bản thân chị T không bị bệnh tâm thần, là suy nhược thần kinh và hiện tình trạng bệnh đã ổn định. Bản thân chị T cũng đồng ý ly hôn nếu anh H kiên quyết ly hôn. Từ những căn cứ trên thấy rằng yêu cầu ly hôn của anh H là chính đáng, phù hợp với khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình cần được chấp nhận.

[3] Về con chung: Anh H và chị T đều thừa nhận vợ chồng có 01 con chung là: Vi Lê Kiều T, sinh ngày 14/12/2015 hiện đang ở với anh H. Chị T và anh H đều xin được nuôi cháu T và không yêu cầu bên kia cấp dưỡng nuôi con. Xét yêu cầu được nuôi con chung của anh H, chị T là chính đáng. Do cháu T còn quá nhỏ, cần nhiều đến sự chăm sóc của người mẹ và để đảm bảo cho sự phát triển toàn diện của con chung nên giao cho chị T được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung sau khi ly hôn là hoàn toàn phù hợp. Anh H không phải cấp dưỡng nuôi con do chị T không yêu cầu.

[4] Về tài sản chung, công nợ chung, công sức đóng góp và đất nông nghiệp: Anh Vi Văn H và chị Lê Thị Ánh T đều xác định không có, không đề nghị giải quyết quyết nên Tòa án không đặt ra giải quyết là phù hợp.

[5] Về án phí: Anh H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 58; Điều 81; Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tổ tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Xử: Cho anh **Vi Văn H** được ly hôn với chị **Lê Thị Ánh T**.

- Về con chung: Giao cho chị Lê Thị Ánh T được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung là **Vi Lê Kiều T**, sinh ngày 14/12/2015. Anh Vi Văn H không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị T.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

- Về tài sản chung, công nợ chung, công sức đóng góp và đất nông nghiệp : Xác nhận chị Lê Thị Ánh T và anh Vi Văn H đều xác nhận không có.

- Về án phí: Anh Vi Văn H phải chịu 300.000.đ (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm. Xác nhận anh H đã nộp 300.000.đ (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số AA/2015/0004220 ngày 10/11/2017 của Chi

cục thi hành án dân sự huyện Thanh Ba. Anh H đã nộp đủ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Phỳ Thọ xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- VKSND huyện, tỉnh;
- Các đương sự;
- Chi cục Thi hành án dân sự;
- UBND xã Đ;
- Lưu hồ sơ, án văn.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

Trần Thị Lệ Thanh